TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2025/KDTM-ST
Ngày: 30/5/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Lan**
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Mai**

Bà **Ngô Thị Yêm**

- Thư ký phiên toà: Ông **Đỗ Kỳ Anh** – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Hứa Hải Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 62/2024/TLST–KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1).**

Trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Ma Quang M – Trưởng bộ phận xử lý nợ, ông Đỗ Đăng Đ – cán bộ xử lý nợ, ông Sầm Văn T – cán bộ xử lý nợ. Theo Văn bản ủy quyền số 832/2024/UQN-VPB ngày 15/12/2024.

- Bị đơn: **Công ty TNHH Đ2**

Trụ sở: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn H** - Giám đốc
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1990. Nơi thường trú: Thôn K, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang bị tạm giam trong một vụ án hình sự khác.

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

1. Về việc ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng:

Công ty TNHH Đ2 (sau đây gọi tắt là Công ty Đ2) và Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là V1) có ký kết Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 150722-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 15/7/2022; Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 180123-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 18/01/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 290922-7031552-01-SME ngày 30/9/2022; các khế ước nhận nợ kèm theo với tổng số tiền (tính trên các khế ước còn dư nợ) là: 2.871.640.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm bảy mươi mốt triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Thông tin cụ thể tài khoản vay như sau:

1.1. Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 290922-7031552-01-SME ngày 30/9/2022 (PDPD232749020):

- Mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn sắt thép.
- Hạn mức thấu chi là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).
- Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong các khế ước nhận nợ giữa bên vay và bên Ngân hàng là 18%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong thời hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Đ2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 20/5/2023, khoản nợ chuyển sang quá hạn.

Tính đến ngày 25/4/2025 Công ty Đ2 còn nợ V1 số tiền là:

- Nợ gốc: 499.934.032 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 51.636.309 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 211.904.817 đồng

Tổng cộng: 763.478.158 đồng (Bảy trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm năm mươi tám đồng).

1.2. Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 180123-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 18/01/2023 (LD2301803092):

- Mục đích sử dụng tiền vay: Mua ô-tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô-tô số 01.1823/2022/HĐMB-DDT/TG.
- Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong các khế ước nhận nợ giữa bên vay và bên Ngân hàng là 13,7%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong thời hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Khế ước nhận nợ số 180123-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 18/01/2023:

- Số tiền nhận nợ: 1.591.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 18/01/2023 đến ngày 18/01/2028.
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 12,8%/năm. Cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi

suất đầu tiên là ngày 18/02/2023. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 60 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2,8%/năm (Mức lãi suất cho vay điều chỉnh).

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Đ2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 20/5/2023, khoản nợ chuyển sang quá hạn.

Tính đến ngày 25/4/2025 Công ty Đ2 còn nợ V1 số tiền là:

- Nợ gốc: 1.508.175.034 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 15.732.185 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 477.255.344 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 52.423.168 đồng

Tổng cộng: 2.053.585.731 đồng (Hai tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi mốt đồng).

1.3. Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 150722-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 15/7/2022 (LD2219601204):

- Mục đích sử dụng tiền vay: Mua ô-tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô-tô số 01221921.
- Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong các khế ước nhận nợ giữa bên vay và bên Ngân hàng là 8,1%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong thời hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Khế ước nhận nợ số 150722-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 15/7/2022:

- Số tiền nhận nợ: 780.640.000 đồng
- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 15/7/2022 đến ngày 15/7/2027.
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 8,10%/năm. Cố định trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 3 tháng lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 09/7/2023. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 60 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,4%/năm (Mức lãi suất cho vay điều chỉnh).

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Đ2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 21/8/2023, khoản nợ chuyển sang quá hạn.

Tính đến ngày 25/4/2025 Công ty Đ2 còn nợ V1 số tiền là:

- Nợ gốc: 624.512.008 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 6.474.489 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 177.482.891 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 17.224.819 đồng

Tổng cộng: 825.694.207 đồng (T1 trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn, hai trăm linh bảy đồng).

Tính đến thời điểm ngày 25/4/2025 Công ty Đ2 còn nợ V1 tổng cộng cả 03 hợp đồng là:

- Nợ gốc: 2.632.624.074 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 73.842.983 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 866.643.051 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 69.647.987 đồng

Tổng cộng: 3.642.758.096 đồng (Ba tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng).

2. Về biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

- Tài sản 01: 01 xe ô-tô nhãn hiệu KIA, số loại: CARNIVAL KA4 3.5 AT FH7, biển số: 30K-177.57; số khung: RNYNA54A8NC294; số máy: G6DUNA963748; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô do Phòng C – Công an thành phố H cấp đứng tên chủ sở hữu Công ty Đ2.

- Tài sản 02: 01 xe ô-tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại: Corolla Cross, biển số: 30H-828.77; số khung: MR2KUAAG4N0046459, số máy: 2ZRY893882; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô do Phòng C – Công an thành phố H cấp đứng tên chủ sở hữu Công ty Đ2.

Biện pháp bảo đảm khác:

Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 30/9/2022, ông Nguyễn Văn H đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Đ2 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh theo các hợp đồng trên giữa Công ty Đ2 và V1 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Nay, V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ2 trả toàn bộ khoản nợ trên và phải chịu lãi suất theo các Hợp đồng cho vay đã ký cho đến ngày thực tế thanh toán hết khoản nợ cho V1.

Bị đơn tiếp tục phải chịu lãi suất theo hợp đồng kể từ ngày 26/4/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được, V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, V1 thì bị đơn tiếp tục phải thanh toán hết khoản nợ còn lại.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn sẽ tự giải quyết với bị đơn theo các văn bản đã ký kết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt và đã có lời khai trình bày:

Ông xác nhận Công ty Đ2 và V1 có ký kết Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 150722-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 15/7/2022; Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 180123-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 18/01/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 290922-7031552-01-SME ngày 30/9/2022; các khế ước nhận nợ kèm theo. Số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất như trong hợp đồng và các khế ước nhận nợ đã ký kết.

Tài sản thế chấp cho các khoản vay trên là: 01 xe ô-tô Kia biển số: 30K-177.57 và 01 xe ô – tô Toyota biển số: 30H-828.77 đăng ký tên Công ty Đ2.

Ngoài ra, ngày 30/9/2022 ông Nguyễn Văn H và V1 còn ký Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 30/9/2022 với các nội dung như trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ chuyển sang quá hạn.

Hiện dư nợ còn lại đúng như bên V1 trình bày.

Nay, V1 khởi kiện, Công ty Đ2 không có khả năng trả nợ vì đã ngừng hoạt động nhiều năm, ông hiện đang bị tạm giam trong vụ án hình sự khác, không biết hiện 02 xe ô-tô là tài sản thế chấp đang ở đâu, ông cam đoan không mua bán, thế chấp 02 tài sản này, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp luật của những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 150722-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 15/7/2022; Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 180123-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 18/01/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 290922-7031552-01-SME ngày 30/9/2022; các khế ước nhận nợ kèm theo và Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 30/9/2022 là đúng quy định và có hiệu lực pháp luật. Công ty Đ2 có trách nhiệm thanh toán cho V1 toàn bộ khoản nợ trên, trường hợp không thanh toán được yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô-tô Kia biển số: 30K-177.57 và 01 xe ô – tô Toyota biển số: 30H-828.77 để thanh toán toàn bộ khoản nợ. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán thì Công ty Đ2 tiếp tục phải thanh toán hết khoản nợ. Trường hợp Công ty Đ2 không thanh toán được thì ông Nguyễn Văn H phải trả nợ thay theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký. Bị đơn phải chịu án phí, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Đ2 có trụ sở tại: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội yêu cầu thanh toán các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký. Bị đơn có trụ sở tại huyện Đ, thành phố

Hà Nội, do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày hôm nay, các đương sự đều có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về pháp luật áp dụng: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của ngân hàng từ năm 2022, nội dung hình thức của giao dịch dân sự trên phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi năm 2017.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về Hợp đồng cho vay:

Xét thấy:

- Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty TNHH Đ2 (Công ty Đ2) có ký các Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 150722-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 15/7/2022; Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 180123-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 18/01/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 290922-7031552-01-SME ngày 30/9/2022; các khế ước nhận nợ kèm theo và Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 30/9/2022. Các bên đã ký kết đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật dân sự. Do vậy, có căn cứ khẳng định đây là khoản nợ của Công ty Đ2. V1 khởi kiện yêu cầu Công ty Đ2 phải trả số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi theo Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ nói trên là phù hợp với Điều 466; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2017 nên được chấp nhận.

Tính đến ngày 25/4/2025 Công ty Đ2 còn nợ V1 số tiền theo từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 290922-7031552-01-SME ngày 30/9/2022 (PDPD232749020):

+ Nợ gốc: 499.934.032 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 51.636.309

+ Nợ lãi quá hạn: 211.904.817 đồng

Tổng cộng: 763.478.158 đồng (Bảy trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm năm mươi tám đồng).

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 180123-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 18/01/2023 (LD2301803092):

+ Nợ gốc: 1.508.175.034 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 15.732.185 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 477.255.344 đồng

+ Nợ lãi chậm trả: 52.423.168 đồng

Tổng cộng: 2.053.585.731 đồng (Hai tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi mốt đồng).

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 150722-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 15/7/2022 (LD2219601204):

+ Nợ gốc: 624.512.008 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 6.474.489 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 177.482.891 đồng

+ Nợ lãi chậm trả: 17.224.819 đồng

Tổng cộng: 825.694.207 đồng (T1 trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn, hai trăm linh bảy đồng).

Tính đến thời điểm ngày 25/4/2025 Công ty Đ2 còn nợ V1 tổng cộng cả 03 hợp đồng là:

- Nợ gốc: 2.632.624.074 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 73.842.983 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 866.643.051 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 69.647.987 đồng

Tổng cộng: 3.642.758.096 đồng (Ba tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng).

[4.2] Về hợp đồng thế chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả nợ đúng hạn, xét thấy: Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 150722-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 15/7/2022; Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 180123-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 18/01/2023 giữa V1 và Công ty Đ2 được các bên ký kết đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Tài sản thế chấp đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 15/7/2022. Vì vậy, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật dân sự.

Theo Hợp đồng thế chấp nói trên, Công ty Đ2 đã tự nguyện đem tài sản thế chấp là 01 xe ô-tô Kia biển kiểm soát: 30K-177.57 và 01 xe ô – tô Toyota biển kiểm soát: 30H-828.77 để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai của khách hàng đối với bên Ngân hàng.

Như vậy, hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ chung của Công ty Đ2 đối với V1 là phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Tuy nhiên, hiện 01 xe ô-tô Kia biển số: 30K-177.57 và 01 xe ô – tô Toyota biển số: 30H-828.77 không biết đang ở đâu, về mặt pháp lý 02 xe ô-tô đó đã được thế chấp cho V1 đúng thủ tục, bản chính giấy tờ xe V1 đang giữ, chủ xe chỉ có quyền sử dụng không được dịch chuyển quyền sở hữu dưới mọi hình thức. Vì vậy, trường hợp sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến 01 xe ô-tô Kia biển số: 30K-177.57 và 01 xe ô – tô Toyota biển số: 30H-828.77 cần giải quyết thì giải quyết trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4.3] Về hợp đồng bảo lãnh

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo lãnh của ông Nguyễn Văn H để thu hồi nợ trong trường hợp bị

đơn không trả nợ đúng hạn, xét thấy: Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 30/9/2022 giữa V1 và ông Nguyễn Văn H được các bên ký kết đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật dân sự.

Theo Hợp đồng bảo lãnh nói trên, ông Nguyễn Văn H đã tự nguyện đồng ý bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai …phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng khác giữa bên bảo lãnh với bên Ngân hàng và bên liên quan khác (nếu có).

Như vậy, hợp đồng bảo lãnh phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Công ty Đ2 phải chịu án phí đối với số tiền nợ (tính đến ngày 25/4/2025) 3.642.758.096 đồng là: 104.855.000 đồng án phí KDTMST.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 323, 466, 468, 470, của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 ngày 29/12/2006.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với Công ty TNHH Đ2 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng gồm:

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 150722-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 15/7/2022;

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 180123-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 18/01/2023;

Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 290922-7031552-01-SME ngày 30/9/2022;

Và Các khế ước nhận nợ kèm theo.

2. Buộc Công ty TNHH Đ2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V khoản nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 25/4/2025 theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 290922-7031552-01-SME ngày 30/9/2022 (PDPD232749020):

+ Nợ gốc: 499.934.032 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 51.636.309

+ Nợ lãi quá hạn: 211.904.817 đồng

Tổng cộng: 763.478.158 đồng (Bảy trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm năm mươi tám đồng).

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 180123-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 18/01/2023 (LD2301803092):

+ Nợ gốc: 1.508.175.034 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 15.732.185 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 477.255.344 đồng

+ Nợ lãi chậm trả: 52.423.168 đồng

Tổng cộng: 2.053.585.731 đồng (Hai tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi mốt đồng).

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô-tô số 150722-7031552-AUTO-1/HĐ ngày 15/7/2022 (LD2219601204):

+ Nợ gốc: 624.512.008 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 6.474.489 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 177.482.891 đồng

+ Nợ lãi chậm trả: 17.224.819 đồng

Tổng cộng: 825.694.207 đồng (T1 trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn, hai trăm linh bảy đồng).

Tính đến thời điểm ngày 25/4/2025 Công ty Đ2 còn nợ V1 tổng cộng cả 03 hợp đồng là:

- Nợ gốc: 2.632.624.074 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 73.842.983 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 866.643.051 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 69.647.987 đồng

Tổng cộng: 3.642.758.096 đồng (Ba tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 26/4/2025, Công ty TNHH Đ2 còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo các hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH Đ2 không trả đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: 01 xe ô-tô Toyota, biển số: 30H.828.77, ngày đăng ký: 14/7/2022, số loại: Corolla Cross, số máy: 2ZRY893882, số khung: MR2KUAAG4N004659, chủ xe: Công ty TNHH Đ2 và 01 xe ô-tô Kia, biển số : 30K-177.57, ngày đăng ký: 17/01/2023, số loại: Carnival KA4, số máy: G6DUNA963748, số khung: RNYNA54A8NC294539, chủ xe: Công ty TNHH Đ2. Những ai đang quản lý 02 xe ô tô trên (dưới mọi hình thức)

phải có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền để thi hành án khi kê biên phát mại. Trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến 02 xe ô-tô đó thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được sau khi phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ ngân hàng cho đến khi tất toán. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu. Trường hợp nếu bị đơn thanh toán được nợ thì nguyên đơn có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp tài sản và trả lại Giấy chứng nhận đăng ký 02 xe ô tô nói trên cho bị đơn.

Trường hợp Công ty TNHH Đ2 không trả được nợ thì ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả nợ thay theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 30/9/2022.

2. Về án phí: Công ty TNHH Đ2 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 104.855.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu, tám trăm năm mươi năm nghìn đồng).

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.716.400 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, bốn trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0071541 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 9A Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Nơi nhận:
- *VKSNDh.Đông Anh.*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *Chi cục THADS huyện Đông Anh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT TRONG VỤ KIỆN

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Bị đơn: Chị Lương Thị Thu L, sinh năm 1979;

Anh **Trịnh Xuân Đ1**, sinh năm 1974;

Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Diện tích đất theo phạm vi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 420,7m^2 (giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,1).

1 2 3 4 5 6 7 8